

Biểu mẫu 15

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON HOA PHƯỢNG
Chương: 622

QUYẾT TOÁN THU – CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC
NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 43/QĐ-MNHP ngày 26/8/2025 của trường MN Hoa Phượng)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ tiền lương	Mua sắm	Trích lập quỹ
I	Quyết toán thu	5.068,2	5.068,2	520		
A	Tổng số thu	5.068,2	5.068,2	520		
1	Số thu phí, lệ phí	903,6	903,6	520		
1.1	Lệ phí	903,6	903,6	520		
	Phí A					
	Học phí	903,6	903,6	520		
	Phí B					
	...					
2	Thu hoạt động cung ứng dịch vụ	4.164,6	4.164,6			
	Gas - Vệ sinh phí	195,7	195,7			
	Tiền phục vụ ăn sáng	448,9	448,9			
	Tiền phục vụ bán trú	538,7	538,7			
	Tiền phục vụ vệ sinh	32,8	32,8			
	Tiền sách của bé	22,5	22,5			
	Tiền ăn	2.212	2.212			
	Nhịp điệu	204	204			
	Anh văn	510	510			
3	Hoạt động sự nghiệp khác	0	0	0	0	0
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	6.617	6.617			
A	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.777	5.777			
	Mục 6000-6050	3.032	3.032			

STT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ tiền lương	Mua sắm	Trích lập quỹ
6001	Lương biên chế	2.426	2.426			
6051	Tiền công hợp đồng	605	605			
	Mục 6100	1.282	1.282			
6101	Phụ cấp chức vụ	66	66			
6112	Phụ cấp ưu đãi	730	730			
6113	Phụ cấp trách nhiệm	5	5			
6115	Phụ cấp thâm niên, vượt khung	480	480			
	Mục 6300	859	859			
6301	Bảo hiểm xã hội	640	640			
6302	Bảo hiểm y tế	110	110			
6303	Kinh phí công đoàn	73	73			
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	37	37			
	Mục 6400	234	234			
6404	Chênh lệch thu nhập thực tế	234	234			
	Mục 6500	177	177			
6501	Tiền điện	69	69			
6502	Tiền nước	106	106			
6504	Vệ sinh môi trường	1	1			
	Mục 6550	56	56			
6599	Vật tư văn phòng khác	56	56			
	Mục 6600	5	5			
6601	Tiền điện thoại	5	5			
	Mục 6750	62	62			
6757	Lương hợp đồng ngắn hạn	37	37			
6758	Thuê đào tạo lại cán bộ	25	25			
	Mục 7000	66	66			
7001	Chi hàng hóa vật tư	28	28			
7049	Chi phí khác	38	38			
	Mục 7050	2	2			
7053	Mua phần mềm tin học	2	2			
	Mục 7750	4	4			
7756	Các khoản phí và lệ phí	1	1			
7799	Chi phí khác	3	3			

